

**TÒA ÁN ND HUYỆN LỤC NAM  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2018

V/v không công nhận vợ chồng giữa chị C  
và anh T

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Bùi Hà Bắc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa ông Nguyễn Văn Thành-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị C, sinh năm 1971 “có mặt”

HKTT: Thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở hiện nay: SN 29C, đường Trương Hán S, khu 2, phường Nhị C, TP. H, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn T, sinh năm 1968 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đào Thị C trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Cao Văn T có tự nguyện tìm hiểu, đến với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1987. Sau khi cưới chị về gia đình anh Toán ở thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang chung sống từ năm 1987 đến nay nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau kể từ năm 2010 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài do vậy chị đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

*Về nuôi con chung:* Vợ chồng có con chung Cao Thị T1, sinh năm 1988; Cao Thị T2, sinh năm 1989; Cao Thị H, sinh năm 1993; Cao Văn T3, sinh năm 1995 hiện nay các cháu đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

*Về chia tài sản:* Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Cao Văn T là bị đơn có địa chỉ tại thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn quy định anh T không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Cao Văn T, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy quyền lợi của anh T đã được đảm bảo theo quy định của pháp

luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị Đào Thị C và anh Cao Văn T là hôn nhân không hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2010, hai bên đã sống ly thân. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thiết tha đề nghị Tòa án không công nhận giữa chị và anh T là vợ chồng. HĐXX thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh T đã căng thẳng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ không công nhận chị C và anh T là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Chị Đào Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đào Thị C và anh Cao Văn T.

2. *Án phí*: Chị Đào Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003203 ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Lục Nam;
- THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hương**